TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ KHÁNH HÒA
Số: 171/BC-CTK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 30 tháng 3 năm 2020

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN Số: 2364
Ngày: 03/4/20
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

BÁO CÁO
Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa Quý I năm 2020

Quý I năm 2020, tình hình kinh tế - xã hội nước ta diễn ra trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới với những yếu tố bất lợi, dịch bệnh Covid-19 (*Corona virus disease 2019*) bùng phát mạnh ở các quốc gia và vùng lãnh thổ, không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe con người mà còn ảnh hưởng đến hầu hết mọi ngành và lĩnh vực của nền kinh tế. Không những thế, tình hình căng thẳng địa chính trị ở các khu vực Trung Đông, giữa Mỹ và Iran; cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung có diễn tiến phức tạp, mặc dù cả hai nước đã đạt được một số thỏa thuận nhất định ở giai đoạn 1 nhưng vẫn chưa đến hồi kết do mâu thuẫn giữa hai chính sách "Một nước Mỹ trên hết" của Hoa Kỳ và tham vọng "Ngôi vị số một thế giới" của Trung Quốc; cùng với đó ngành công nghiệp ô tô toàn cầu tụt dốc; bất ổn liên quan đến tiến trình Brexit, giá dầu thô giảm mạnh khiến gia tăng rủi ro cho thị trường toàn cầu. Ngoài ra, những nhân tố an ninh phi kinh tế như: Quân sự, chính trị, ngoại giao và biến đổi khí hậu... vẫn tác động tiêu cực đến nền kinh tế của các quốc gia trên thế giới. Dự báo, an ninh kinh tế toàn cầu sẽ có diễn biến khó lường và tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ chững lại, tiến trình phục hồi về thương mại, sản xuất, đầu tư đang mất dà và giảm tốc. Lĩnh vực sản xuất tiếp tục trì trệ, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm và tình hình đó có xu hướng kéo dài cho đến cuối năm 2020.

Trong nước, bên cạnh những thuận lợi từ kết quả tăng trưởng tích cực trong năm 2019, kinh tế vĩ mô ổn định nhưng cũng phải đối mặt không ít khó khăn, thách thức với thời tiết diễn biến thất thường của thời tiết như mưa đá, mưa lớn tại các địa phương phía Bắc; hạn hán, xâm nhập mặn xuất hiện sớm và lấn sâu ở phía Nam; ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới toàn bộ các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Trước tình hình đó, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh,

nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 28/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phòng, chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của virus Corona gây ra. Ngày 04/3/2020, Thủ tướng ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ thường xuyên chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện "nhiệm vụ kép" là vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế - xã hội. Tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, thiếu trách nhiệm trong chỉ đạo phòng chống dịch trong bối cảnh dịch bệnh nguy hiểm đang bùng phát, lan rộng ở nhiều quốc gia như hiện nay; tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống dịch với tinh thần "Chống dịch như chống giặc". Cùng với đó, thực hiện ngay các biện pháp hỗ trợ cho các đối tượng, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, bảo đảm an sinh xã hội; nỗ lực phấn đấu cao nhất thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Với tỉnh Khánh Hòa, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ gặp nhiều tổn thất do ảnh hưởng từ dịch bệnh; tác động của biến đổi khí hậu, nắng nóng kéo dài làm ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng một số cây trồng... Dưới sự lãnh đạo kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh Khánh Hòa đã tổ chức quán triệt đến các cấp, các ngành, các doanh nghiệp về Nghị quyết số 01 và 02 của Chính phủ. Ban hành hàng loạt các Nghị quyết để chỉ đạo, giải quyết những vấn đề cấp bách, nhất là kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh; khắc phục khó khăn, thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định đời sống Nhân dân. Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực trong quý I năm 2020 như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh 2010) quý I/2020 ước được 9.877,74 tỷ đồng, giảm 9,33% so cùng kỳ năm trước: GRDP phân theo ngành kinh tế giảm 7,81% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm giảm 20,05%. Trong tổng mức giảm 7,81% của toàn tỉnh, khu vực dịch vụ giảm 16,14%, làm giảm 9,2 điểm phần trăm; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 4,1% đã làm giảm 0,47 điểm phần trăm; riêng khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,95%, đóng góp 1,86 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế quý I/2020: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,13%; ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 34,76%; ngành

dịch vụ chiếm 43,3% và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 9,81% (Cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 11,29%; 30,36%; 47,31%; 11,04%).

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông nghiệp chịu ảnh hưởng của thời tiết diễn biến bất thường ít mưa, khô hạn. Trước tình hình đó, ngành Nông nghiệp đã tiến hành theo dõi chặt chẽ diễn biến của tình hình thời tiết, khí hậu chuẩn bị tốt phương án chống hạn, chỉ đạo các địa phương, đơn vị quản lý, vận hành các công trình thủy lợi rà soát phương án cung cấp nước sản xuất cho phù hợp với lịch thời vụ đảm bảo sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả. Mặc dù, dịch Cúm gia cầm (chủng H5N1, H5N6) và dịch Tả lợn Châu Phi (ASF) đã được kiểm soát, cho đến nay chưa phát hiện ổ dịch mới nhưng tình hình vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ lây lan khó lường. Ngành Thủy sản tiếp tục tăng trưởng về sản lượng khai thác và nuôi trồng, tuy nhiên tình hình tiêu thụ nông - thủy sản gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19.

a. Nông nghiệp

Tính đến thời điểm 15/3/2020, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm từ đầu vụ Đông Xuân đến nay ước được 31.590,4 ha, bằng 32,75% kế hoạch, trong đó cây lương thực 20.875 ha, bằng 42,66%; cây chất bột có củ 1.861,1 ha, bằng 55,92%; cây thực phẩm 2.046,7 ha, bằng 31,1%; cây công nghiệp hàng năm 6.464,6 ha, bằng 44,43%. So cùng kỳ năm trước, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm giảm 8,5% do thời tiết khô hạn, ít mưa, các hồ chứa không cung cấp đủ nước nên người dân cắt giảm diện tích gieo trồng, trong đó cây công nghiệp hàng năm giảm 23,92% chủ yếu do diện tích trồng mía tại Ninh Hòa giảm 1.140 ha (giảm 22,8%) do khô hạn, thiếu nước tưới cộng, mặt khác giá mía giảm, hiệu quả kinh tế thấp nên người dân chuyển đổi một số diện tích sang trồng cây khác; cây thực phẩm giảm 11,54%; cây lương thực giảm 3,81% do diện tích trồng ngô giảm 26,66% và diện tích lúa vụ Đông Xuân giảm 1,99%, trong đó một số địa phương có diện tích gieo trồng giảm như: Huyện Vạn Ninh giảm 5,3%, huyện Diên Khánh giảm 1,4%, huyện Cam Lâm giảm 0,4%...; riêng cây chất bột có củ tăng 7,49% chủ yếu do diện tích trồng sắn tăng 15,79%.

Lúa vụ Đông Xuân cơ bản đã kết thúc gieo sạ được 19.699 ha, vượt mức kế hoạch và tăng 409 ha; đã thu hoạch được 2.635 ha lúa Đông Xuân sớm; năng suất bình quân khoảng 60,1 tạ/ha, giảm 1,2 tạ/ha và sản lượng 15.836,6 tấn, giảm 5.426,4 tấn so cùng kỳ năm trước.

Về tình hình sản xuất cây lâu năm, các địa phương trên địa bàn tỉnh đang tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi những diện tích hàng năm, cây lâu năm kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả, dần hình thành vùng chuyên canh cây trồng có giá trị kinh tế cao và thích ứng khí hậu, thổ nhưỡng; nhờ đó diện tích một số cây ăn quả tăng so cùng kỳ năm trước như: Xoài 8.194,2 ha, tăng 1,8%; bưởi 1.381,4 ha, tăng 17%; dứa 418,6 ha, tăng 3%... Tuy nhiên, do thời tiết nắng nóng, ít mưa gây thiếu nước tưới đã làm một số diện tích cây ăn quả trồng mới trong năm 2019 bị chết, cộng với giá một số mặt hàng nông sản như cà phê, tiêu… xuống thấp, hiệu quả kinh tế không cao nên người dân chuyển sang các giống cây trồng khác nên diện tích một số cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả giảm so cùng kỳ năm 2019 như: Chuối 3.896,67 ha, giảm 3,9%; chôm chôm 139,6 ha, giảm 43,2%; cao su 344 ha, giảm 15,3%; cà phê 451,5 ha, giảm 29,9%...

Quý I năm 2020, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đã phát hiện một ổ dịch Cúm chủng A/H5N6 vào ngày 12/01/2020 trên đàn gà có quy mô 2.773 con tại thôn Vĩnh Phú, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, trước tình hình đó các cơ quan chức năng đã kịp thời khoanh vùng cách ly và tiêu hủy toàn bộ đàn. Cho đến nay, tình hình dịch Cúm A/H5N6 và dịch Tả lợn Châu Phi (ASF) trên địa bàn tỉnh đã được khống chế và không phát sinh ổ dịch mới. Quý I/2020, tổng đàn trâu hiện có 4.111 con, giảm 1,56% so cùng kỳ năm trước; đàn bò 78.334 con, giảm 0,15%; đàn lợn 192.261 con, giảm 0,38%; đàn gia cầm 2.715,7 nghìn con, tăng 3,02%, trong đó đàn gà 1.892,1 nghìn con, tăng 4,01%.

b. Lâm nghiệp

Các đơn vị lâm nghiệp đang tập trung chăm sóc, khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng, đồng thời đẩy mạnh công tác phòng chống cháy rừng trong tình hình thời tiết nắng nóng kéo dài, có nguy cơ cháy rừng rất cao và triển khai các giải pháp ngăn chặn nạn chặt phá rừng trái phép.

Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng tháng 3/2020 được 13.613 m^3, giảm 12,77% so cùng kỳ năm trước; củi khai thác 1.914 ste, giảm 4,8%. Quý I/2020, sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng được 16.159 m^3, giảm 12,03%; củi khai thác 4.920 ste, giảm 5,27%. Tính đến ngày 31/3/2020, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa chưa xảy ra tình trạng cháy rừng, phá rừng trái phép.

c. Thủy sản

Từ đầu năm đến nay thời tiết tương đối thuận lợi, giá xăng dầu giảm, đặc biệt là ngư dân đang trúng lớn mùa cá Ngừ sọc dưa với sản lượng mỗi tàu đánh bắt được từ 5-10 tấn cá, lãi từ 50-100 triệu đồng mỗi chuyến hải hành đã khuyến

khích ngư dân bám biển nên tổng sản lượng thủy sản quý I/2020 được 23.809,5 tấn, tăng 2,47% so cùng kỳ năm trước, với sản lượng thủy sản khai thác được 22.721,5 tấn, tăng 1,74%, trong đó 20.141,3 tấn cá, tăng 1,77%; 177,1 tấn tôm, tăng 3,63%; 2.403,1 tấn thủy sản khác, tăng 1,28%. Thu hoạch thủy sản nuôi trồng được 1.088,1 tấn, tăng 20,59% do số lồng bè cho thu hoạch tăng, trong đó 512,2 tấn cá, tăng 13,9%; 336,2 tấn tôm, tăng 49,2%; 239,7 tấn thủy sản khác, tăng 5,46%.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản quý I/2020 được 1.249,6 ha, tăng 1,69% so cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích nuôi cá 169,7 ha, tăng 3,92%; diện tích nuôi tôm 719,4 ha, tăng 4,19%; riêng diện tích nuôi thủy sản khác 360,5 ha, giảm 3,87% chủ yếu giảm diện tích nuôi ốc hương do sản phẩm hiện gặp khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên chưa thả nuôi, dù thời điểm này rất thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản.

3. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2020 tăng 5,08% so cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều mức tăng 7,22% của cùng kỳ năm 2019 do thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP và tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh, trong đó ngành dệt may gặp nhiều khó khăn do thiếu nguyên liệu sản xuất vì nguyên liệu sợi bông đều nhập từ Trung Quốc.

Chỉ số phát triển sản xuất ngành công nghiệp quý I/2020 tăng 5,08% so cùng kỳ năm trước: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 20,88%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,47%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí tăng 5,86% và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,83%.

Trong các ngành công nghiệp chế biến chế tạo, một số ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2020 tăng so cùng kỳ năm trước: Sản xuất thuốc lá tăng 68,34%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 22,46%; công nghiệp chế biến chế tạo khác tăng 8,31%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 7,82%; sản xuất phương tiện vận tải tăng 7,4%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 2,9%; sản xuất đồ uống tăng 2,84% (trong đó, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia giảm mạnh 50,44% do thực hiện Nghị định số 100/2019/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt; Luật về phòng, chống tác hại của rượu bia); in ấn tăng 2%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 1,99%; chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 1,39%. Các ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp giảm như: Dệt

giảm 45,81% do thiếu nguyên liệu sản xuất; sản xuất máy móc thiết bị giảm 31,37%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại giảm 24,25%; sản xuất trang phục giảm 17,49%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 14,08%; sản xuất chế biến thực phẩm giảm 0,39%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu quý I/2020 tăng so cùng kỳ năm trước: Thuốc lá có đầu lọc tăng 68,34%; đường RE tăng 63,57%; đường RS tăng 6,35%; điện sản xuất tăng 15%; điện thương phẩm tăng 2,01%; nước yến tăng 13,17%; cá khác đông lạnh tăng 6,8%; tôm đông lạnh tăng 4,02%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm có chỉ số giảm như: Bia đóng lon giảm 50,66%; bia đóng chai giảm 42,66%; sợi tự nhiên giảm 45,81%; cá ngừ đông lạnh giảm 18,9%; cửa sắt giảm 11,45% và tủ gỗ giảm 2,29%.

Chỉ số tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 3/2020 ước giảm 5,13% so với tháng trước và giảm 11,51% so cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2020, chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến chế tạo tăng 11,10% so cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tiêu thụ tăng: Sản xuất đồ uống tăng 8,57%; sản xuất thuốc lá tăng 111,79%; sản xuất trang phục tăng 23,82%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 7,82%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện tăng 70,77%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 2,70%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 2,00%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 20,47%. Một số ngành có chỉ số tiêu thụ giảm như: Sản xuất chế biến thực phẩm giảm 2,67%; dệt giảm 35,61%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 24,25%; sản xuất giường, tủ bàn ghế giảm 11,6%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 31/3/2020 tăng 11,66% so tháng trước và giảm 2,15% so cùng kỳ năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho tăng thấp hoặc giảm so cùng kỳ năm trước như: Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 5,28%; sản xuất chế biến thực phẩm tăng 2,54%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 0,05%; sản xuất trang phục giảm 12,93%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 78,18%; dệt giảm 64,94%. Bên cạnh đó, một số ngành có chỉ số tồn kho tăng như: Sản xuất đồ uống tăng 28,32%; công nghiệp chế biến chế tạo khác tăng 17,39%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 10,31%.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp quý I/2020 giảm 1,68% so cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước giảm 6,86%; doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,46%; doanh nghiệp có vốn đầu

tư nước ngoài tăng 3,53%. Chia theo ngành công nghiệp: Công nghiệp chế biến chế tạo giảm 2,14%; khai khoáng tăng 2,42%; ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 4,72%; riêng ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý, xử lý rác thải, nước thải tương đối ổn định.

4. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

a. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính từ ngày 01/3/2020 đến 16/3/2020, toàn tỉnh có 77 doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 236,4 tỷ đồng, giảm 25,24 về số doanh nghiệp và giảm 32,95% về vốn đăng ký so cùng kỳ năm trước. Tại thời điểm, toàn tỉnh có 13 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 44,44% so cùng kỳ năm trước; 60 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, gấp 2,4 lần; 10 doanh nghiệp đã giải thể.

Tính từ ngày 01/01/2020 đến 16/3/2020, toàn tỉnh có 312 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với vốn đăng ký 1.623,56 tỷ đồng, giảm 14,29% về số doanh nghiệp và tăng 24,78% về số vốn đăng ký so cùng kỳ năm trước. Tính đến nay, toàn tỉnh có 172 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 22,87% so cùng kỳ năm trước, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động lên 484 doanh nghiệp; 482 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 61,74%; 54 doanh nghiệp đã giải thể, giảm 41,94%.

b. Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả điều tra về xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý I/2020 cho thấy: Có 7,25% số doanh nghiệp đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I năm nay tốt hơn quý trước; 82,61% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn và 10,14% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định. Dự kiến quý II/2020 so quý I/2020, có 21,74% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên; 28,99% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn và 49.27% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định.

Về khối lượng sản xuất, có 13,04% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất của doanh nghiệp quý I/2020 tăng so quý trước; 75,36% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất giảm và 11,6% số doanh nghiệp cho rằng ổn định. Về xu hướng quý II/2020 so quý I/2020, có 21,74% số doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng; 27,54% số doanh nghiệp dự báo giảm và 50,72% số doanh nghiệp dự báo ổn định.

Về số lượng đơn đặt hàng mới, quý I/2020 so quý trước có 10,45% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng mới tăng; 74,63% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng giảm và 14,92% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng ổn định. Xu hướng quý II/2020 so quý I/2020, có 24,24% số doanh nghiệp dự báo có đơn hàng mới tăng; 25,76% số doanh nghiệp dự báo đơn hàng giảm và 50% số doanh nghiệp dự báo có đơn hàng ổn định.

Về số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới, quý I/2020 so quý trước cho thấy, có 11,76% số doanh nghiệp khẳng định số đơn hàng xuất khẩu mới tăng; 61,76% số doanh nghiệp có đơn hàng xuất khẩu giảm và 26,48% số doanh nghiệp có đơn hàng xuất khẩu ổn định. Xu hướng quý II/2020 so quý I/2020, có 9,68% số doanh nghiệp dự báo tăng đơn hàng xuất khẩu; 38,71% số doanh nghiệp dự kiến giảm và 51,61% số doanh nghiệp dự báo ổn định.

5. Đầu tư và xây dựng

Năm 2020 là năm có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020. UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ngành chức năng tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư, xác định đầu tư phải hiệu quả, khả thi và gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải. Bên cạnh đó, tăng cường kiểm tra, giám sát tiến độ của các dự án; hỗ trợ chủ đầu tư trong việc giải quyết các thủ tục hành chính; đánh giá năng lực, trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc giải ngân và nhu cầu kéo dài thời gian thực hiện dự án để xem xét thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án không thực hiện đúng tiến độ đã cam kết; giải quyết nhanh công tác giải phóng mặt bằng, đầu tư cơ sở hạ tầng... để các dự án sớm được triển khai xây dựng.

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội quý I/2020 ước được 9.670,26 tỷ đồng, tăng 10,55% so cùng kỳ năm trước: Vốn nhà nước 2.479,98 tỷ đồng, tăng 10,24% (vốn Trung ương quản lý 1.003 tỷ đồng; vốn địa phương quản lý 1.476,98 tỷ đồng tăng lần lượt là 11,1% và 9,66%); vốn ngoài nhà nước 6.979,28 tỷ đồng, tăng 10,66% và vốn đầu tư nước ngoài 211 tỷ đồng, tăng 10,6%. Trong tổng vốn đầu tư phát triển, vốn đầu tư xây dựng cơ bản chiếm tỷ trọng cao nhất 81,38%; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản chiếm 11,48%; vốn đầu tư sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định chiếm 3%; vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động chiếm 2,69% và vốn đầu tư khác chiếm 1,45%.

Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn nhà nước tập trung thực hiện các công trình chuyển tiếp của năm 2019, một số công trình mới trong kế hoạch 2020 đã được khởi công, các công trình còn lại đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán để triển khai trong quý II/2020. Các công trình có tiến độ thi công với vốn thực hiện khá là: Trường MN Phước Long, trường MN Hương Sen, trường TH Ngọc Hiệp, trường TH Vĩnh Trung, trường TH Phước Đồng, trường TH Phước Thịnh, Trường TH Phước Hải 3 (giai đoạn 2), trường TH Vĩnh Hiệp, trường THCS Lương Thế Vinh, trường THCS Lương Định Của, đường Thái Thông - Xuân Sơn, đường Phú Đức, đường Phong Châu - Đất Lành, đường Điện Biên Phủ, đường vòng Núi Chụt và Võ Thị Sáu, kè chống sạt lở Núi Sạn, đường vòng Núi Chụt (Nha Trang); trường TH Cam Thịnh Tây 1, trường TH Cam Lộc 1, trường TH Cam Lộc 2, trường THCS Lê Hồng Phong, đường Hoàng Văn Thụ, đường Trần Nhật Duật, đường TDP Phúc Hải, đường Nghĩa Phú, kè chống sạt lở sông Lạch Cầu 2 và Lạch Cầu 3 (Cam Ranh); hội trường UBND huyện, đường nội đồng Cây Duối, đường nội đồng thôn Vĩnh Thái (Cam Lâm); đường Bắc Nam (giai đoạn 2), đường giao thông phường Ninh Diêm (Ninh Hòa); trụ sở UBND xã, trường TH Vạn Giã 1, đường Trần Đường, đường Lê Lợi, kè bờ biển Vạn Giã, kè từ đường sắt đến cầu huyện, bến cá Quảng Hội, kênh tiêu Thủy Phan, mương Trần Tạo (Vạn Ninh); trường MN xã Cầu Bà, trường MG Sen Hồng, trường MG Hương Sen, trường TH Giang Ly, trường TH Liên Sang, trường TH xã Cầu Bà (giai đoạn 2) (Khánh Vĩnh); kè và đường dọc sông Cái, kè chống sạt lở bờ Bắc, khu TĐC Diên An, đường Nguyễn Trãi, kè và đường dọc sông nhánh (Diên Khánh); hội trường Huyện ủy, nhà VH xã Thành Sơn, trường THCS Sơn Lâm (giai đoạn 2), đường Lê Hồng Phong, đường D9, đường ven Đài tưởng niệm, chợ huyện, khu TĐC thôn Dốc Trầu, kè bảo vệ đường và khu dân cư thôn Dốc Gạo, kè bảo vệ bờ sông Tô Hạp (Khánh Sơn)...

Quý I/2020, có 25 công trình khởi công mới với tổng dự toán trên 122,1 tỷ đồng và 14 công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng với tổng vốn đầu tư trên 57,2 tỷ đồng; tạo năng lực mới tăng gồm 8 phòng học và 6 phòng chức năng trường mầm non, 530 m^2 đình và nhà văn hóa, 4,3 km đường giao thông; nâng cấp, sửa chữa một số công trình khác.

6. Thương mại, dịch vụ

Nếu như cùng thời điểm các năm trước đây, hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa diễn ra khá sôi động, nhất là hoạt động du lịch, vui chơi, giải trí thu hút rất đông du khách đến từ trong và ngoài nước thì

các tháng qua, dưới ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 hoạt động thương mại và dịch vụ có phần trầm lắng hơn, phần lớn các cơ sở kinh doanh đều rơi vào tình trạng ế ẩm, vắng khách phải tạm ngừng hoạt động. Không nằm ngoài ảnh hưởng đó, hoạt động xuất nhập khẩu cũng gặp khó khăn, trong đó hoạt động nhập khẩu rơi vào tình trạng các nguyên, phụ liệu (thuốc lá, dệt may, máy móc, thiết bị) nhập từ những thị trường có vùng dịch đều bị đối tác giảm lượng cung hàng hóa.

a. Tổng mức bán hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng quý I/2020 được 33.256,89 tỷ đồng, giảm 26% so quý trước và giảm 12,2% so cùng kỳ năm trước, riêng các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ nhà nước được 4.688,78 tỷ đồng, giảm 3,57% với các mặt hàng chủ yếu: 86.274 m^3 xăng dầu, giảm 11,27%; 136,11 triệu bao thuốc lá, tăng 2,83%. Trong tổng mức hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng quý I/2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng được 17.843,14 tỷ đồng, giảm 18,71% so cùng kỳ năm trước: Ngành dịch vụ khác 1.760,89 tỷ đồng, giảm 52,01%; ngành dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch 572,57 tỷ đồng, giảm 43,87% chủ yếu do lượng du khách đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc giảm mạnh, mặc dù thị trường khách Nga đang có tín hiệu lạc quan hơn nhưng thị phần còn thấp, chỉ chiếm 13% tổng thị phần khách du lịch toàn tỉnh; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống 3.053,43 tỷ đồng, giảm 38,16% do nhiều đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú tạm ngưng hoạt động như khách sạn Vinpearl Discovery 1 Nha Trang, Vinpearl Condotel Empire,...cùng với ảnh hưởng của dịch bệnh nên người dân hạn chế đi lại và ăn uống ngoài gia đình; riêng ngành thương mại được 12.456,25 tỷ đồng, tăng 1,07% do người dân chuyển đổi sang mua sắm trực tuyến nhằm tránh dịch bệnh Covid-19.

Cục Quản lý thị trường đã chủ động triển khai công tác kiểm tra, kiểm soát đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ; phát hiện và xử lý nhiều trường hợp vi phạm về kinh doanh hàng cấm, hàng nhập lậu, an toàn thực phẩm. Đồng thời, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, vận động các cơ sở sản xuất, kinh doanh ký cam kết không kinh doanh hàng cấm, hàng giả, hàng nhập lậu, hàng kém chất lượng và hàng không đảm bảo an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, công tác kiểm tra giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết; chống đầu cơ, găm hàng, nhất là công tác tăng cường kiểm tra, giám sát các quầy thuốc, nhà thuốc, các cơ sở kinh doanh sản phẩm là trang thiết bị y tế (khẩu trang y tế) trong thời gian có dịch bệnh Covid-19. Quý I/2020, Cục Quản lý thị

trường đã kiểm tra được 274 cơ sở sản xuất kinh doanh; đã phát hiện và xử lý hành chính 103 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách 645,16 triệu đồng.

b. Du lịch

Do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid-19 cùng với Quyết định của Chính phủ từ ngày 13/3/2020 tạm thời chưa cho nhập cảnh đối với khách du lịch đến từ hoặc đã đi qua các nước thuộc khu vực Schengen và Vương quốc Anh và Bắc Ireland (Anh quốc) trong vòng 14 ngày trước ngày dự kiến đến Việt Nam; tạm dừng việc cấp thị thực tại cửa khẩu cho tất cả người nước ngoài "không phân biệt quốc gia và vùng lãnh thổ" đã tác động mạnh đến ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa, cụ thể doanh thu du lịch quý I/2020 được 3.242,52 tỷ đồng, giảm 50,31% so quý IV/2019 và giảm 41,79% so cùng kỳ năm trước, đây là mức giảm thấp nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á (năm 1997) và chưa có tiền lệ từ trước đến nay; cụ thể khách lưu trú được 644,81 nghìn lượt người với 2.286,91 nghìn ngày khách, giảm lần lượt là 58,6% và 52,2%, trong đó khách quốc tế 415,36 nghìn lượt khách, giảm 52,59% với 1.860,22 nghìn ngày khách, giảm 45,43% chủ yếu khách đến từ Trung Quốc, Hàn Quốc.

c. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa quý I/2020 ước được 389,49 triệu USD, tăng 18,73% so quý trước và giảm 7,63% so cùng kỳ năm trước: Kinh tế nhà nước 9,39 triệu USD, giảm 30,68% và giảm 25,06%; kinh tế tập thể 0,5 triệu USD, giảm 30,21% và giảm 12,05%; kinh tế tư nhân 139,14 triệu USD, giảm 4,68% và giảm 11,5%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 240,46 triệu USD, tăng 43,27% và giảm 4,33%. Kim ngạch xuất khẩu một số mặt hàng chủ lực giảm so cùng kỳ năm trước như: 3,52 triệu USD máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng, giảm 71,12%; 27,43 triệu USD cà phê, giảm 19,38%; 114,33 triệu USD hàng thủy sản, giảm 14,19%; 0,5 triệu USD sản phẩm mây, tre, cói và thảm, giảm 11,22%; 188,56 triệu USD phương tiện vận tải và phụ tùng, giảm 4,45%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng như: 29,45 triệu USD hàng dệt may, tăng 49,54%; 15,16 triệu USD gỗ và sản phẩm từ gỗ, tăng 13,33%. Xuất khẩu chủ yếu vào các thị trường như: Panama là thị trường xuất khẩu lớn nhất của tỉnh với kim ngạch 156,48 triệu USD, giảm 38,8% so cùng kỳ năm trước; thị trường EU 113,16 triệu USD, tăng 73%; Hoa Kỳ 49,14 triệu USD, tăng 50,9%; Nhật Bản 29,53 triệu USD, tăng 39,4%; Đài Loan 18,51 triệu USD, giảm 2,8%; thị trường ASEAN 12,13 triệu USD, giảm 26,2%; Hàn Quốc 10,89 triệu USD, giảm 7%; Đức 10,08 triệu USD, tăng 9,6%; Trung Quốc 0,86 triệu USD, giảm 87,82% và Na Uy 0,58 triệu USD, gấp 10 lần.

Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa quý I/2020 ước được 156,06 triệu USD, giảm 32,35% so quý trước và giảm 13,58% so cùng kỳ năm trước: Kinh tế nhà nước 6,7 triệu USD, giảm 59,32%; kinh tế tư nhân 61,97 triệu USD, giảm 14,72%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 87,39 triệu USD, giảm 4,43%, với một số mặt hàng chủ yếu có kim ngạch nhập khẩu giảm so cùng kỳ năm trước như: 2,3 triệu USD nguyên phụ liệu thuốc lá, giảm 84,91%; 2,82 triệu USD thức ăn gia súc và nguyên liệu, giảm 40,54%; 45,36 triệu USD hàng thủy sản, giảm 34,14%; 0,84 triệu USD nguyên phụ liệu dược phẩm, giảm 22,13%; 02 triệu USD nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày, giảm 5,65%. Bên cạnh đó, một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng như: 39,45 triệu USD máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác, tăng 11,35%; 3,56 triệu USD vải các loại, tăng 7,04%; 0,92 triệu USD sữa và sản phẩm từ sữa, tăng 2,22%; 24,27 triệu USD sắt thép các loại, tăng 0,91%. Về thị trường hàng hóa nhập khẩu quý I/2020, Hàn Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của tỉnh với kim ngạch 76,15 triệu USD, giảm 19,9%; Trung Quốc 7,36 triệu USD, giảm 17,7% do ảnh hưởng dịch Covid-19 gây khó khăn ở khâu thông quan hàng hóa; Đài Loan 18,93 triệu USD, tăng 11,6%; Nhật Bản 4,67 triệu USD, giảm 53,7%; Singapo 4,04 triệu USD, giảm 76,9%; Hoa Kỳ 2,45 triệu USD, giảm 55,9%; thị trường ASEAN 9,96 triệu USD, giảm 60,9%.

Cán cân thương mại hàng hóa quý I/2020, xuất siêu được 233,43 triệu USD, bằng 59,93% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, chủ yếu ở khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với xuất siêu được 153,07 triệu USD và khu vực kinh tế trong nước xuất siêu được 80,36 triệu USD.

7. Giá cả

a. Chỉ số giá tiêu dùng

Bộ Tài chính điều chỉnh giảm giá xăng dầu cùng với ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19 làm cho giá dịch vụ du lịch, khách sạn, dịch vụ vui chơi, giải trí giảm đã tác động đến chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2020 giảm 0,81% so với tháng trước, tăng 0,3% so với tháng 12/2019. Tuy nhiên, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 3 tháng đầu năm 2020 tăng 5,59% so với cùng kỳ năm 2019, mức tăng cao nhất trong 7 năm gần đây.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2020 giảm 0,81% so tháng trước, hầu hết trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có đến 07 nhóm có chỉ số giá giảm, cụ thể như: Giảm mạnh nhất là nhóm giao thông, giảm 5,43% do Bộ Tài chính điều chỉnh giảm giá xăng, dầu vào ngày 15/3/2020 với mức giảm chung của giá xăng

RON A95 là 2.360 đồng/lít, xăng E5 là 2.330 đồng/lít, giá dầu diezel 1.780 đồng/lít đã tác động đến chỉ số giá nhóm nhiên liệu giảm đến 9,51%; mặc khác nhóm dịch vụ giao thông công cộng giảm mạnh ở mức 9,84% do giá vé máy bay, giá vé tàu hỏa giảm từ 11,08% - 41,14% do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 làm cho nhu cầu đi lại người dân giảm mạnh; nhóm văn hóa, giải trí, du lịch giảm 3,2% do chính sách hạn chế nhập cảnh giữa các nước, đồng thời Sở Văn hóa - Thể thao tỉnh Khánh Hòa đã ban hành Công văn số 484/SVHTT-QLVHGD ngày 17/3/2020 về việc dừng đón khách du lịch đến tham quan tại ba di tích danh thắng Quốc gia: Tháp Bà Ponagar, Hòn Chồng và Am Chúa kể từ ngày 19/3/2020 nhằm phòng chống dịch Covid-19; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 1,2% do giá gas, giá dầu hỏa giảm đã làm cho chỉ số giá nhóm gas, chất đốt giảm 5,5%, cùng với giá thép và giá cho thuê nhà giảm; nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,2%; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,19%, chủ yếu do nhóm thực phẩm giảm 0,41% và ăn uống ngoài gia đình giảm 0,07%; nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,03%; nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0,01%. Các nhóm còn lại có chỉ số giá ổn định như: May mặc, mũ nón, giày dép ổn định; thuốc, dịch vụ y tế; bưu chính, viễn thông và giáo dục.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 3 tháng đầu năm 2020 tăng 5,59% so với chỉ số giá bình quân cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3/2020 tăng tăng 0,3% so với tháng 12/2019 cụ thể như: Tăng cao nhất là nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,09%; hàng ăn, dịch vụ ăn uống tăng 1,3%; may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,21%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,37%; hàng hóa, dịch vụ khác tăng 0,82%; thiết bị, đồ dùng gia đình tăng 0,09%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,01%; riêng nhóm giao thông giảm 6,88%; văn hóa, giải trí và du lịch giảm 3,21%; các nhóm giáo dục và bưu chính, viễn thông có chỉ số giá ổn định.

Giá bán lẻ bình quân chung một số mặt hàng tháng 3/2020: Gạo tẻ ngon (Gò Công) 19.264 đồng/kg; gạo nếp thường 15.708 đồng/kg; gà mái ta còn sống 106.926 đồng/kg; thịt lợn mông sấn 139.578 đồng/kg; thịt bò bắp 229.854 đồng/kg; trứng vịt 27.036 đồng/10 quả; cá thu khúc giữa 274.684 đồng/kg; dầu ăn Tường An 42.726 đồng/lít; đường trắng kết tinh Khánh Hòa sản xuất 17.660 đồng/kg; sữa Ông Thọ 380g 22.000 đồng/hộp; bột ngọt Ajinomoto 65.623 đồng/gói; gas đun (bình 12 kg-Shellgas) 346.008 đồng/bình; vàng 99,99% 4.629 nghìn đồng/chỉ; đô la Mỹ 23.302 đồng/USD.

b. Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Do giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới nên chỉ số giá vàng tháng 3/2020 tăng 4,49% so tháng trước, tăng 25,62% so cùng kỳ năm trước và tăng 11,6% so tháng 12/2019.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3/2020 tăng 0,27% so tháng trước, tăng 0,38% so cùng tháng năm trước và tăng 0,29% so tháng 12 năm trước.

c. Chỉ số giá sản xuất

Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho sản xuất quý I/2020 tăng 0,75% so với quý IV/2019 và tăng 3,05% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu sử dụng cho sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,91% và tăng 2,68%; sử dụng cho sản xuất công nghiệp tăng 1,23% và tăng 3,04%; sử dụng cho xây dựng tăng 0,34% và tăng 3,79%.

Chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2020 tăng 1,35% so với quý IV/2019 và tăng 0,61% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất nông nghiệp tăng 3,72% và tăng 2,95%; lâm nghiệp tăng 0,04% và tăng 2,63%; thủy sản giảm 0,44% và giảm 1,22%.

Chỉ số giá sản xuất công nghiệp quý I/2020 giảm 0,48% so với quý IV/2019 và tăng 0,52% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá sản xuất sản phẩm khai khoáng ổn định so quý trước và giảm 7,07% so cùng kỳ; sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo giảm 0,53% và giảm 0,11%; sản phẩm điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 0,11% và tăng 8,46%; nước sạch, xử lý nước thải giảm 0,19% và giảm 0,43%.

Chỉ số giá sản xuất dịch vụ quý I/2020 tăng 0,1% so với quý IV/2019 và tăng 2,54% so với cùng kỳ năm trước, trong đó chỉ số giá dịch vụ vận tải, kho bãi tăng 0,22% và tăng 1,18%; lưu trú và ăn uống giảm 0,23% và tăng 2,54%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm ổn định và tăng 0,97%; khoa học và công nghệ tăng 5,03% và tăng 20,12%; giáo dục và đào tạo ổn định và tăng 3,91%; y tế và trợ giúp xã hội ổn định và tăng 2,91%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí ổn định và giảm 0,04%...

8. Vận tải, bưu chính, viễn thông

a. Vận tải

Hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh tiếp tục giảm do dịch Covid-19 đã hạn chế nhu cầu đi lại của người dân và vận tải hàng hóa. Đặc biệt, Thông báo số 102/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ về việc tạm dừng cấp thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam trong khoảng thời gian 30 ngày bắt

đầu từ 00 giờ ngày 18/3/2020 đã ảnh hưởng mạnh đến ngành hàng không, các hãng hàng không đã dừng, giảm tần suất hàng loạt chuyến bay, tạm dừng khai thác các đường bay giữa Việt Nam và một số quốc gia.

Quý I/2020, doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải ước được 1.311,58 tỷ đồng, giảm 15,21% so cùng kỳ năm trước, trong đó: Vận tải đường bộ 893,49 tỷ đồng, giảm 15,59%; vận tải đường thủy 45,91 tỷ đồng, giảm 16,79%; vận tải đường sắt 35,69 tỷ đồng, giảm 40,21%; vận tải đường hàng không của Vietnam Airlines 34,6 tỷ đồng, giảm 49,56%. Trong tổng doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải quý I/2020: Vận tải hành khách được 353,12 tỷ đồng, giảm 32,09%; vận tải hàng hóa được 656,57 tỷ đồng, giảm 9,07%; kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải được 301,89 tỷ đồng, giảm 0,97%.

Vận chuyển hành khách đường bộ và đường thủy quý I/2020 ước được 9.114,2 nghìn lượt người, giảm 29,4% so cùng kỳ năm trước (đường bộ được 8.700,9 nghìn lượt người và đường biển được 413,3 nghìn lượt người, giảm lần lượt là 29,26% và 32,29%); luân chuyển hành khách 429.577,3 nghìn lượt người.km, giảm 28,91% (đường bộ 426.104,3 nghìn lượt người.km và đường biển 3.473 nghìn lượt người.km, giảm lần lượt là 28,86% và 34,57%).

Vận chuyển hàng hóa đường bộ và đường thủy quý I/2019 ước được 7.890,3 nghìn tấn, giảm 8,24% so cùng kỳ năm trước (đường bộ được 7.815,5 nghìn tấn và đường biển được 74,8 nghìn tấn, giảm lần lượt là 8,24% và 8,67%); luân chuyển hàng hóa 773.334,9 nghìn tấn.km, giảm 6,66% (đường bộ 647.063,9 nghìn tấn.km và đường biển 126.271 nghìn tấn.km, giảm lần lượt là 6,24% và 8,78%).

Vận chuyển hành khách đường sắt quý I/2020 ước được 76,4 nghìn lượt người, giảm 44,25% so cùng kỳ năm trước; luân chuyển hành khách 46.341 nghìn lượt người.km, giảm 39,06%; vận chuyển hàng hóa 2.861 tấn, tăng 2,4%; luân chuyển hàng hóa 3.569,8 nghìn tấn.km, tăng 1,52%. Vận chuyển hành khách đường hàng không của Vietnam Airlines đón được 95.915 lượt người lên xuống sân bay với 713 lần cất và hạ cánh; giảm lần lượt là 51,71% và 23,42% so cùng kỳ năm trước.

b. Bưu chính, viễn thông

Tính đến cuối tháng 3/2020, số thuê bao điện thoại phát triển mới được 3.565 thuê bao, nâng tổng số thuê bao điện thoại trên toàn tỉnh đến nay là 177.014 thuê bao; tổng doanh thu bưu chính, viễn thông ước được 463,25 tỷ đồng, tăng 2,29% so cùng kỳ năm trước; với 14 nghìn bưu kiện đi có cước, giảm

1,41%; 26,9 nghìn bức thư và điện chuyển tiền, giảm 2,34%; phát hành báo chí được 4.827 nghìn tờ, cuốn, giảm 6,8%.

9. Tài chính, ngân hàng

a. Tài chính

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh quý I/2020 ước được 4.581,8 tỷ đồng, giảm 6,93% so cùng kỳ năm trước: Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 1.343 tỷ đồng, tăng 71,06% và thu từ SXKD trong nước 3.238,8 tỷ đồng, giảm 21,72%. Trong tổng thu từ SXKD trong nước có 4/17 khoản thu tăng như: Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 283,6 tỷ đồng, tăng 60,42%; thu khác ngân sách 96 tỷ đồng, tăng 27,67%; thu thuế thu nhập cá nhân 386,7 tỷ đồng, tăng 8,65%; thu xổ số kiến thiết 90 tỷ đồng, tăng 1,8%. Có 13/17 khoản thu giảm như: Thu thuế bảo vệ môi trường 243 tỷ đồng, giảm 0,48%; thu từ doanh nghiệp nhà nước trung ương 141 tỷ đồng, giảm 12,45%; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản 2,5 tỷ đồng, giảm 19,04%; thu từ khu vực ngoài quốc doanh 862,8 tỷ đồng, giảm 22,11%; thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương 683,8 tỷ đồng, giảm 31,55%; thu lệ phí trước bạ 92 tỷ đồng, giảm 34,43%; thu phí và lệ phí 140 tỷ đồng, giảm 37,54%; thu tiền sử dụng đất 112,09 tỷ đồng, giảm 51,3%; thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 700 triệu đồng, giảm 52,32%; thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN 99 tỷ đồng, giảm 66,7%; thu cấp quyền khai thác khoáng sản 3,1 tỷ đồng, giảm 75,49%; thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước 2,5 tỷ đồng, giảm 87,6%; thu tiền bán và thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước 5 triệu đồng, giảm 96,71%.

Tổng chi cân đối ngân sách nhà nước địa phương quý I/2020 ước được 2.501,61 tỷ đồng, bằng 19,55% dự toán, trong đó chi đầu tư phát triển được 978,84 tỷ đồng, bằng 21,7% (riêng chi đầu tư xây dựng cơ bản 230 tỷ đồng, bằng 10,29%); chi thường xuyên 1.521,6 tỷ đồng, bằng 21,07% với các khoản chi như: Chi sự nghiệp kinh tế 155,2 tỷ đồng, bằng 15,9%; chi sự nghiệp văn xã 945,3 tỷ đồng, bằng 22,05%; chi quản lý hành chính 335,3 tỷ đồng, bằng 23,73%; chi quốc phòng an ninh 41,8 tỷ đồng, bằng 17,33%; chi khác ngân sách 44 tỷ đồng, bằng 14,42%. So cùng kỳ năm trước, tổng chi cân đối ngân sách nhà nước địa phương tăng 13,44%, trong đó chi đầu tư phát triển tăng 11,56%; chi thường xuyên tăng 14,7%.

b. Ngân hàng

Các Chi nhánh TCTD chủ động cân đối nguồn vốn để đáp ứng kịp thời các nhu cầu vốn vay sản xuất kinh doanh hàng hóa phục vụ Tết với lãi suất và

các điều kiện ưu đãi, góp phần bình ổn thị trường dịp Tết; tích cực rà soát, nắm bắt tình hình thiệt hại của khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, để thực hiện các giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho khách hàng.

Tính đến ngày 13/3/2020, toàn tỉnh có 38 Chi nhánh TCTD và 04 Quỹ tín dụng với 180 điểm giao dịch ngân hàng và 350 máy ATM. Mạng lưới Ngân hàng đã bao phủ khắp các địa phương trên địa bàn tỉnh, riêng Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Ngân hàng Chính sách xã hội có điểm giao dịch tới tận các xã, đáp ứng kịp thời nhu cầu giao dịch ngân hàng của người dân, doanh nghiệp. Toàn tỉnh có 50 tổ chức kinh tế làm đại lý đổi ngoại tệ với 76 địa điểm, đáp ứng nhu cầu đổi tiền của du khách (sân bay quốc tế Cam Ranh có 21 địa điểm, cơ sở lưu trú có 53 địa điểm và 02 địa điểm tại trung tâm thương mại); có 16 đại lý chi trả ngoại tệ (kiều hối) hoạt động ổn định; có 13 NHTM và 02 doanh nghiệp được cấp phép mua bán vàng miếng tại 45 điểm giao dịch, đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân; có 30 đơn vị được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.

Nhằm tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, nhiều Chi nhánh TCTD trên địa bàn đã chủ động giảm lãi suất cho vay đối với các khoản cho vay cũ, cụ thể giảm lãi suất cho vay VND từ dưới 1%/năm đến tối đa 3%/năm, giảm lãi suất cho vay USD từ 0,5%/năm. Lãi suất huy động VND kỳ hạn dưới 1 tháng phổ biến ở mức 0,1%-0,5%/năm; lãi suất kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng là 4,3%-4,8%/năm; lãi suất kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng là 5,3%-6,5%/năm và đối với kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 6,8%-7%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn bằng VND dành cho các đối tượng ưu tiên là 5,5%-6%/năm và trung dài hạn 8,5%-10%/năm; lãi suất cho vay lĩnh vực SXKD khác ngắn hạn ở mức 8,5%-9,5%/năm; trung dài hạn ở mức 9,5%-11,5%/năm; lãi suất cho vay USD ở mức 3,5%-3,7%/năm đối với ngắn hạn; 4%-6,5%/năm đối với trung và dài hạn.

Đến ngày 15/3/2020, toàn tỉnh có 749 khách hàng vay vốn (247 DN, 502 cá nhân) bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, dư nợ bị ảnh hưởng gần 9.933 tỷ đồng, chiếm 11,15% dư nợ cho vay toàn tỉnh. Các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng như giảm lãi suất cho vay, cơ cấu lại nợ, miễn giảm lãi, cho vay mới phục vụ sản xuất kinh doanh đã và đang được tích cực triển khai. Ngoài ra, chương trình kết nối Ngân hàng-Doanh nghiệp, chương trình bình ổn thị trường đã giúp cho nhiều doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn, tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi. Ước đến cuối tháng 3/2020, huy động vốn toàn tỉnh ước

được 85.355 tỷ đồng, tăng 6,02% so cùng kỳ năm trước: Huy động bằng đồng Việt Nam 83.720 tỷ đồng, tăng 6,61%; huy động bằng ngoại tệ 1.635 tỷ đồng, giảm 17,38%, nguồn vốn tín dụng được tập trung cho lĩnh vực sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ. Dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng đến cuối tháng 3/2020 ước được 88.680 tỷ đồng, tăng 9,31% so cùng kỳ năm trước: Dư nợ bằng đồng Việt Nam 85.070 tỷ đồng, tăng 11,98%; dư nợ bằng ngoại tệ 3.610 tỷ đồng, giảm 30%. Doanh số cho vay quý I/2020 ước đạt 23.843 tỷ đồng, giảm 36,02% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ nợ xấu ở mức thấp (đến cuối tháng 01/2020 tỷ lệ nợ xấu là 0,68%) phản ảnh đúng thực chất hoạt động của các TCTD trên địa bàn tỉnh.

10. Một số tình hình xã hội

a. Đời sống dân cư và đảm bảo an toàn xã hội

Tình hình thời tiết trong những tháng đầu năm nắng nóng kéo dài gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp, cùng với đó là dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất kinh doanh của người dân trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Trước tình hình đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành và các địa phương trong tỉnh quyết liệt sẵn sàng ứng phó với các tình huống phòng chống dịch, bảo đảm cung cấp đủ phương tiện, vật tư, thuốc, trang thiết bị, kinh phí cho các hoạt động phòng, chống dịch. Đồng thời chỉ đạo quyết liệt các ngành, địa phương giải quyết những vấn đề cấp bách, khắc phục khó khăn, thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định đời sống Nhân dân.

Toàn tỉnh hiện chưa xảy ra thiệt hại do thiên tai và chưa có hiện tượng thiếu đói trong dân cư, đời sống vật chất và tinh thần của người nghèo, Nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được cải thiện thông qua việc thực hiện đầy đủ, đúng quy định các chế độ chính sách giảm nghèo, bảo trợ xã hội; việc chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng được thực hiện đầy đủ; công tác cứu trợ xã hội đột xuất được đảm bảo công khai, công bằng, đúng mục đích, đúng đối tượng.

Đời sống cán bộ, công nhân viên chức và người lao động hưởng lương ổn định. Các doanh nghiệp xây dựng thang lương, bảng lương, chuyển xếp lương đối với người lao động và gửi đến cơ quan quản lý Nhà nước theo đúng quy định; việc thực hiện trả lương, tham gia các chế độ BHXH đối với người lao động được đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật, không để xảy ra tình trạng nợ lương của người lao động. Ngoài ra, Công đoàn cơ sở tại các doanh nghiệp đều chủ động phối hợp với chủ sử dụng lao động thực hiện việc tặng quà Tết cho người lao động, hỗ trợ cho người lao động có hoàn cảnh khó khăn, hỗ

trợ tiền tàu xe hoặc phương tiện đưa người lao động về quê ăn Tết, tổ chức liên hoan cuối năm, gặp mặt lì xì đầu năm để động viên cả về vật chất lẫn tinh thần cho người lao động. Nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động trong mùa dịch Covid-19, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã có văn bản đề nghị các doanh nghiệp tiếp tục kéo dài thời gian nghỉ lễ, tránh di chuyển khi dịch bệnh diễn biến phức tạp.

Công tác đền ơn đáp nghĩa, hỗ trợ, cứu đói được các ngành các cấp quan tâm, đảm bảo đời sống tinh thần và vật chất cho các hộ chính sách nhất là gia đình Thương bệnh binh, liệt sĩ và gia đình có công với Cách mạng. Nhân dịp tết Nguyên đán Canh Tý, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương và địa phương, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp và cá nhân đã đi thăm chúc Tết, tặng quà cho các Chiến sỹ ở Trường Sa, các đối tượng chính sách, các hộ đồng bào Dân tộc thiểu số, đồng bào ở các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, các hộ có hoàn cảnh khó khăn. Đã thăm và tặng quà Tết của Chủ tịch nước cho 138 cụ thọ tròn 100 tuổi, mỗi cụ 5m vải lụa, 1 triệu đồng tiền mặt, khung và thiếp mừng thọ với tổng kinh phí 227,15 triệu đồng; 12.560 đối tượng chính sách, người có công với tổng kinh phí 2,57 tỷ đồng. Thăm tặng quà Tết của tỉnh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cho 15.771 đối tượng chính sách người có công, tổng kinh phí 6,7 tỷ đồng; 301 người từ 100 tuổi trở lên; 1.140 hội viên Hội người mù; 6.895 người khuyết tật về thần kinh, tâm thần, trí tuệ; 11 trẻ em HIV/AIDS; 124 cộng tác viên công tác xã hội với tổng kinh phí 2,12 tỷ đồng; thăm tặng quà cho 80 gia đình chính sách tiêu biểu và 34 đơn vị tập thể, tổng kinh phí 189 triệu đồng; hỗ trợ tiền ăn thêm trong những ngày Tết cho 1.115 đối tượng nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập, tổng kinh phí 223 triệu đồng; tặng quà cho 10.968 hộ nghèo, tổng số tiền 2,74 tỷ đồng; hỗ trợ gạo cho 25.765 hộ với 59.142 nhân khẩu với định mức hỗ trợ là 15 kg/khẩu, tổng kinh phí 14,55 tỷ đồng. Đã tiếp nhận và cấp phát quà Tết của các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp và cá nhân như Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang (Quỹ Thiện tâm) tặng 4.600 suất quà (600 nghìn đồng/suất), tổng kinh phí 2,76 tỷ đồng; Công ty Xổ số kiến thiết Khánh Hòa tặng 160 xuất quà (500 nghìn đồng/suất) cho 160 hộ nghèo thuộc huyện Khánh Vĩnh, tổng kinh phí 80 triệu đồng; phối hợp với Trường Sỹ quan Thông tin, Bảo Việt Nhân Thọ Khánh Hòa, Bảo Việt Phi Nhân Thọ Khánh Hòa, Công ty Bảo Minh Khánh Hòa, Chi nhánh Bảo hiểm Pijico Khánh Hòa, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang tổ chức thăm tặng quà và hỗ trợ hộ nghèo (xã Khánh Nam, huyện Khánh Vĩnh) với tổng kinh phí 140 triệu

đồng; Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Khánh Hòa huy động các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp và các cá nhân đóng góp, ngân sách nhà nước hỗ trợ tặng quà cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em nghèo, trẻ em Dân tộc thiểu số với tổng số tiền 1,34 tỷ đồng... Các chế độ, chính sách giảm nghèo, bảo trợ xã hội như cấp thẻ bảo hiểm y tế, miễn giảm học phí, cho vay giải quyết việc làm được thực hiện đầy đủ, đúng quy định nhằm góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, đồng bào các Dân tộc thiểu số. Đã cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách như: Hộ nghèo là 44.693 thẻ; Dân tộc thiểu số là 26.518 thẻ; đối tượng thuộc vùng đặc biệt khó khăn là 742 thẻ; hộ cận nghèo 100% (QĐ705) là 12.637 thẻ; hộ cận nghèo NQ30 là 42.193 thẻ; xã đảo là 24.816 thẻ; trẻ em dưới 6 tuổi là 135.514 thẻ.

b. Lao động và việc làm

Về đào tạo nghề, quý I/2020 toàn tỉnh đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo nghề cho 2.780 người đạt 9,47% so với kế hoạch. Để ứng phó với tình hình dịch bệnh Covid-19, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội đã hướng dẫn các doanh nghiệp thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động nghỉ việc để phòng, chống dịch bệnh; hỗ trợ những doanh nghiệp có nhu cầu tuyển lao động và giúp người lao động tìm được việc làm phù hợp bằng phương thức tư vấn, giới thiệu việc làm qua các trang thông tin điện tử hoặc tổ chức tư vấn theo nhóm nhỏ (từ 3-5 người) cho người lao động; các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh triển khai một số gói chính sách hỗ trợ theo quy định của Chính phủ nhằm nhanh chóng phục hồi lại sản xuất và xuất khẩu, tạo việc làm cho người lao động. Năm 2020, tiếp tục đưa ra mục tiêu tạo việc làm tăng thêm với hơn 11.600 người, thực hiện công tác sắp xếp lại hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp, quy hoạch mạng lưới giáo dục nghề nghiệp toàn tỉnh, đa dạng hóa các hình thức, loại hình giáo dục với các chương trình, các khóa học đào tạo phù hợp.

c. Giáo dục

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc xây dựng Kế hoạch ứng phó phòng, chống dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến ngày càng phức tạp; đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh ban hành quyết định cho học sinh nghỉ học để phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Đã phối hợp với Sở Y tế tổ chức tập huấn kỹ năng phòng, chống dịch bệnh Covid-19 cho cán bộ, công chức; triển khai tập huấn cách pha chế nước rửa sát khuẩn cho giáo viên Hoá học cấp THPT theo công thức WHO (có sự tham gia hướng dẫn của giảng viên Trường Đại học Nha Trang); thành lập các đoàn kiểm tra các

cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; phối hợp với Công ty Viettel và VNPT Khánh Hòa tập huấn và hướng dẫn cho giáo viên thiết kế bài giảng, hướng dẫn học sinh học và ôn tập kiến thức trong thời gian học sinh nghỉ học; phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa tổ chức dạy học trên truyền hình đối với các bộ môn: Toán học, Ngữ văn và Tiếng Anh của khối lớp 9 và lớp 12. Ngoài ra, Sở đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định điều chỉnh Khung kế hoạch thời gian năm học 2019 - 2020 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d. Y tế

Ngành Y tế chủ động đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh, giám sát tả, dịch cúm, sốt xuất huyết, sởi, Rubella, bệnh Tay-Chân-Miệng, thủy đậu, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19; kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm trước và sau Tết, đảm bảo công tác y tế trong dịp tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020. Tháng 3/2020, ghi nhận 279 ca sốt xuất huyết; 4 ca sốt rét; 2 ca sốt rét ác tính; 11 ca bệnh Tay-Chân-Miệng; 12 ca viêm gan vi rút; 4 ca uốn ván; 4 ca thủy đậu; đã khám chữa bệnh cho 253,7 nghìn lượt người; điều trị nội trú 16,11 nghìn lượt; phẫu thuật 2.439 ca; đã thực hiện tiêm chủng đủ liều cho 1.353 trẻ em dưới 1 tuổi; tiêm sởi mũi 2 cho 1.409 trẻ em dưới 18 tháng tuổi; tiêm UV2+ cho 1.374 phụ nữ có thai. Tính chung quý I/2020, trên địa bàn tỉnh có 1.493 ca sốt xuất huyết, giảm 69,23% so cùng kỳ năm trước; 13 ca sốt rét, giảm 27,78%; 79 ca bệnh Tay-Chân-Miệng, giảm 77,56%; 56 ca viêm gan vi rút, giảm 5,08%; 2 ca sốt rét ác tính; 4 ca viêm não vi rút; 6 ca uốn ván; đã khám chữa bệnh cho 777,47 nghìn lượt người; điều trị nội trú 51,38 nghìn lượt người; phẫu thuật 6.125 lượt người. Đã thực hiện tiêm đủ liều cho 3.853 trẻ dưới 1 tuổi; tiêm sởi mũi 2 cho 3.950 trẻ em dưới 18 tháng tuổi; tiêm UV2+ cho 3.873 phụ nữ có thai. Trong quý I/2020, đã phát hiện thêm 25 trường hợp nhiễm mới HIV, nâng tổng số người nhiễm HIV đến nay là 2.388 người; 1.223 người chết do AIDS.

Về tình hình dịch bệnh Covid-19 tại tỉnh Khánh Hòa, ngành Y tế tỉnh đã thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế và UBND tỉnh Khánh Hòa về phòng, chống dịch bệnh Covid-19; đã tham mưu ban hành Kế hoạch đáp ứng với từng cấp độ dịch bệnh; tham mưu thành lập, kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh Covid-19; thành lập đội cơ động phản ứng nhanh chống dịch; tổ chức tập huấn cho các cán bộ y tế, Sở, ban, ngành và đoàn thể về công tác phòng, chống dịch bệnh; kiểm tra công tác phòng, chống dịch

bệnh trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa; phối hợp với các đơn vị tuyên truyền các khuyến cáo của Bộ Y tế, xử lý, ngăn chặn kịp thời các thông tin không chính xác về tình hình dịch bệnh, gây hoang mang trong cộng đồng; cập nhật thường xuyên các thông tin và thông điệp phòng chống dịch bệnh từ Bộ Y tế; cập nhật và báo cáo hằng ngày tình hình phòng chống dịch tại địa phương, việc giám sát người tiếp xúc gần với trường hợp bệnh do Covid-19 và người về từ vùng dịch; sẵn sàng tiếp nhận, cách ly, xử lý các trường hợp nghi ngờ và nhiễm bệnh theo đúng các quy định... Tính đến ngày 26/3/2020, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 01 trường hợp nhiễm Covid-19, đã xuất viện vào ngày 04/02/2020; đã theo dõi, cách ly tập trung 746 trường hợp; tổng số trường hợp được lấy mẫu xét nghiệm có kết quả tích lũy là 768 ca (01 ca dương tính đã khỏi bệnh; 767 ca âm tính); tổng số trường hợp được theo dõi sức khỏe tại nhà đã qua 14 ngày có sự giám sát của nhân viên y tế là 637 trường hợp.

e. Văn hóa, thể thao

Ngành Văn hóa và Thể thao đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật kỷ niệm Mừng Xuân Canh Tý 2020; tuyên truyền kỷ niệm 90 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2020), 90 năm Ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Khánh Hoà (24/02/1930 - 24/02/2020); đặc biệt là tuyên truyền phòng chống dịch bệnh Covid-19; Luật phòng chống tác hại rượu, bia. Nhằm phòng tránh dịch bệnh Covid-19, Sở Văn hóa và Thể thao đã có văn bản tham mưu cho UBND tỉnh tạm dừng tổ chức hoặc tổ chức hạn chế các hoạt động văn hóa, thể thao trong năm 2020 trên địa bàn tỉnh như: Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam 19/4; Lễ hội Tháp Bà Ponagar Nha Trang; Lễ dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng; Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân năm 2020; giải bóng đá hạng nhất Quốc gia; các hoạt động thể dục thể thao cấp tỉnh; đội tuyên truyền và chiếu phim lưu động cũng tạm ngưng lịch hoạt động tại các điểm ở địa phương. Trong quý I/2020, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh đã tổ chức 108 buổi chiếu phim phục vụ đồng bào các dân tộc miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa; biểu diễn 8 buổi "Hô bài chòi Xuân Canh Tý 2020", 8 buổi Nghệ thuật đường phố", 3 buổi "Thi đấu Cờ Người", phối hợp với Đoàn ca múa nhạc Hải Đăng thực hiện chương trình ca múa nhạc đêm Giao thừa Tết Canh Tý, biểu diễn "Lân - Sư - Rồng", chương trình ca nhạc - thời trang tại sân khấu Quảng trường 2/4 phục vụ Nhân dân đón Tết Nguyên đán. Bảo tàng tỉnh đã tổ chức triển lãm chuyên đề "Cổ ngoạn - Nét cũ dấu xưa"; tổ chức Phiên chợ xưa kết hợp các trò chơi dân gian như: Thư pháp, nặn tượng, chơi ô quan trong dịp Tết.

Thư viện tỉnh phục vụ 29.352 lượt (trong đó, 21.496 lượt người lớn, 7.706 lượt thiếu nhi); số lượt sách báo phục vụ tại thư viện là 66.538 lượt; thực hiện cấp phát gia hạn 382 thẻ (người lớn 261 thẻ, thiếu nhi 121 thẻ).

Về thể thao thành tích cao, đã tham gia luyện tập và thi đấu giải Vô địch việt dã leo núi toàn quốc chinh phục đỉnh cao Bà Rá lần thứ 26 năm 2020 tại Bình Phước đạt 02 bộ huy chương: 01 bạc, 01 đồng, 01 kiện tướng, 02 vận động viên cấp I. Tập trung cho Đội tuyển trẻ quốc gia 7 vận động viên.

g. Tai nạn giao thông

Thực hiện Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt, các lực lượng chức năng đã tăng cường tuần tra, kiểm soát, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, đặc biệt là hành vi sử dụng rượu, bia khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông. Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông như Luật phòng, chống tác hại rượu, bia trên các phương tiện thông tin đại chúng được tiếp tục tăng cường; các hư hỏng về hạ tầng giao thông được khắc phục nhằm phục vụ tốt nhu cầu đi lại của Nhân dân và du khách. Nhờ đó, tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh đã có những bước chuyển biến tích cực, tai nạn giao thông giảm trên cả 3 tiêu chí.

Từ ngày 15/02/2020 đến 14/3/2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 3 vụ tai nạn và va chạm giao thông đường bộ, làm chết 3 người; tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 1 vụ, làm chết 1 người. Tính chung 3 tháng đầu năm 2020 (từ ngày 15/12/2019 đến ngày 14/3/2020) trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 23 vụ tai nạn và va chạm giao thông đường bộ làm chết 24 người, bị thương 3 người; tai nạn giao thông đường sắt xảy ra 2 vụ, làm chết 2 người. So cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn và va chạm giao thông đường bộ giảm 19 vụ, số người chết giảm 19 người, bị thương giảm 11 người; số người bị thương do tai nạn giao thông đường sắt giảm 3 người.

h. Tình hình cháy, nổ và bảo vệ môi trường

Trong tháng, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 8 vụ cháy, ước tính giá trị thiệt hại là 448,9 triệu đồng. Tính chung quý I/2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 22 vụ cháy, tăng 2 vụ so cùng kỳ năm trước; ước tính giá trị thiệt hại là 1,55 tỷ đồng, giảm 3,63 tỷ đồng.

Tóm lại: *Trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 tại Việt Nam, cùng với cả nước Tỉnh ủy và UBND tỉnh Khánh Hòa đã chỉ đạo sát sao tình hình phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh, giảm thiểu tác động của*

dịch Covid-19, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thực hiện các các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, an ninh, an toàn đời sống và sức khỏe của Nhân dân. Nhưng do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19, cộng với thời tiết nắng nóng kéo dài nên nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội quý I năm 2020 suy giảm như: Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (theo giá so sánh năm 2010) giảm 9,33%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng giảm 18,71%; doanh thu du lịch giảm 41,79%; khách du lịch quốc tế giảm 52,59%, kim ngạch xuất khẩu giảm 7,63%... Mặc dù vậy, tình hình kinh tế - xã hội vẫn có những tín hiệu lạc quan và dự báo sẽ phục hồi nhanh sau dịch bệnh như: Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 5,08%; vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng 10,55%, chỉ số giá tiêu dùng tháng tăng ở mức thấp 0,3% so tháng 12 năm trước. Mặc khác, lĩnh vực văn hóa xã hội, hoạt động giáo dục tiếp tục được sự quan tâm của toàn xã hội; hoạt động y tế đã triển khai đồng bộ và quyết liệt các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid-19. Công tác đền ơn, đáp nghĩa, hỗ trợ người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số được Nhà nước, các tổ chức xã hội và các doanh nghiệp quan tâm góp phần ổn định và nâng cao đời sống Nhân dân. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiếp tục được chú trọng. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững. Tai nạn giao thông giảm trên cả 3 tiêu chí; triển khai quyết liệt Luật phòng chống tác hại rượu, bia và Nghị định 100/NĐ-CP của Chính phủ.

Tuy nhiên, trong thời gian tới kinh tế - xã hội tỉnh sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trước diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 sẽ tác động nặng nề đến tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Các doanh nghiệp có sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ Trung Quốc phục vụ sản xuất một số ngành công nghiệp bị giảm sút; các ngành, lĩnh vực như: Thương mại, du lịch, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu; việc làm... gặp nhiều khó khăn do chịu tác động trực tiếp của dịch bệnh. Việc quản lý đất đai, xây dựng chưa được kiểm soát chặt chẽ, tình trạng xây dựng trái phép vẫn còn xảy ra. Do đó, để hoàn thành mục tiêu kinh tế - xã hội năm 2020 là thách thức lớn, cần phát huy sức mạnh tổng hợp, chung sức, đồng lòng của các Sở, ban, ngành; cùng với sự nổ lực rất lớn các doanh nghiệp và Nhân dân toàn tỉnh.

Cần thực hiện quyết liệt các nhóm giải pháp phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh; tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; triển khai một số chính sách hỗ trợ theo quy định Chính phủ cho các doanh nghiệp, nông nghiệp chịu ảnh hưởng của dịch bệnh như: Khoanh nợ, giãn nợ, miễn, giảm

lãi vay,... nhằm nhanh chóng phục hồi sản xuất và xuất khẩu; tập trung thi công dứt điểm các công trình trọng điểm các dự án đã khởi công; thu hút vốn đầu tư xây dựng cơ bản vào các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh; tăng cường công tác quản lý xây dựng, đất đai; kiên quyết xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm, đặc biệt là đối với các trường hợp xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai những khu vực có nguy cơ sạt lở; tích cực phòng chống dịch bệnh cho người và vật nuôi, tăng cường kiểm tra kiểm soát nhằm giảm thiểu tai nạn giao thông; tiếp tục kiềm chế lạm phát; tăng cường công tác an ninh; bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội./.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH KHÁNH HÒA
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Lê Thị Trúc Phương

1. SỐ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH KHÁNH HÒA
ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I NĂM 2020

	Đơn vị tính	KẾ HOẠCH 2019	ƯỚC TH QUÝ I 2020	THỰC HIỆN QUÝ I 2019	% ƯỚC TH Q.I NĂM 2020 SO VỚI	
					KH 2020	Q.I/2019
A	B	1	2	3	4	5
A. CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP						
1. GRDP theo giá so sánh năm 2010	*tỷ đồng*	**55.782**	**9.877,8**	**10.894,5**	**17,71**	**90,67**
* GRDP theo ngành kinh tế:	"	50.177	8.795,1	9.540,4	17,53	92,19
- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	"	5.323	1.066,5	1.112,1	20,04	95,90
- Công nghiệp và xây dựng	"	15.730	3.166,9	2.989,0	20,13	105,95
- Dịch vụ	"	29.124	4.561,6	5.439,3	15,66	83,86
* Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	"	5.605	1.082,7	1.354,1	19,32	79,96
2. GRDP theo giá hiện hành	*tỷ đồng*	**93.010**	**16.300**	**17.427**	**17,53**	**93,53**
3. Cơ cấu GRDP *(giá hiện hành)*	*%*	**100,00**	**100,00**	**100,00**		
- Nông, lâm nghiệp, thuỷ sản	"	9,99	12,13	11,29		
- Công nghiệp và xây dựng	"	28,57	34,76	30,36		
- Dịch vụ	"	51,31	43,30	47,31		
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	"	10,14	9,81	11,03		
4. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	*tỷ đồng*	**41.211**	**9.670**	**8.747**	**23,47**	**110,55**
5. Chỉ số sản xuất công nghiệp	*%*	**107,0**	**105,08**	**107,22**		
6. Sản lượng lúa vụ đông xuân	*tấn*	**120.779**	**15.837**	**21.263**	**13,11**	**74,48**
7. Tổng sản lượng thủy sản	*tấn*	**111.220**	**23.809,6**	**23.236,1**	**21,41**	**102,47**
8. Gỗ khai thác *(rừng trồng)*	m^3	-	**16.159**	**18.370**	-	**87,97**
9. Giá trị xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	*nghìn USD*	**1.530.000**	**389.487**	**421.665**	**25,46**	**92,37**
10. Giá trị nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn	*nghìn USD*	**900.000**	**156.057**	**180.571**	**17,34**	**86,42**
11. Doanh thu du lịch	*tỷ đồng*	**29.160**	**3.243**	**5.571**	**11,12**	**58,21**
12. Khách quốc tế	*nghìn lượt*	**3.900**	**415**	**876**	**10,65**	**47,41**
13. Ngày khách quốc tế	*nghìn ngày*	**15.600**	**1.860**	**3.409**	**11,92**	**54,57**
14. Thu ngân sách	*tỷ đồng*	**17.273**	**4.582**	**4.923**	**26,53**	**93,07**
- Thu nội địa	"	15.973	3.239	4.138	20,28	78,28
- Thu xuất nhập khẩu hải quan	"	1.300	1.343	785	103	171,06
15. Chi cân đối ngân sách	*tỷ đồng*	**12.797**	**2.502**	**2.205**	**19,55**	**113,44**
Trong đó : - Đầu tư phát triển	"	4.512	979	877	21,70	111,56
- Chi thường xuyên	"	7.221	1.522	1.327	21,07	114,70
16. Huy động vốn bằng đồng VN	*tỷ đồng*	-	**83.720**	**78.529**	-	**106,61**
17. Huy động vốn bằng ngoại tệ	"	-	**1.635**	**1.979**	-	**82,62**
18. Dư nợ cho vay VNĐ	"	-	**85.070**	**75.971**	-	**111,98**
19. Dư nợ cho vay USD	"	-	**3.610**	**5.157**	-	**70,00**

A	B	1	2	3	4	5
B. CÁC CHỈ TIÊU NGÀNH KINH TẾ QUỐC DÂN						
I. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THUỶ SẢN						
1. Sản xuất nông nghiệp						
*** Diện tích gieo trồng cây hàng năm** *(Tính từ đầu vụ Đông Xuân 2019-2020)*	*ha*	96.447	**31.590,4**	**34.525,9**	**32,75**	**91,50**
Trong đó:						
- Cây lương thực	*ha*	**48.935**	**20.875,0**	**21.702,7**	**42,66**	**96,19**
+ Lúa	"	43.074	19.699,0	20.099,3	45,73	98,01
. Lúa đông xuân	"	19.290	19.699,0	20.099,3	102,12	98,01
. Lúa hè thu	"	17.617	-	-	-	-
. Lúa mùa	"	6.167	-	-	-	-
+ Ngô	"	5.861	1.176,0	1.603,4	20,06	73,34
- Cây chất bột có củ	*ha*	**3.328**	**1.861,1**	**1.731,4**	**55,92**	**107,49**
+ Khoai lang	"	146	78,2	89,9	53,56	86,99
+ Sắn	"	3.182	1.489,0	1.286,0	46,79	115,79
+ Chất bột khác	"	-	293,9	355,5	-	82,67
- Cây thực phẩm	*ha*	**6.581**	**2.046,7**	**2.313,8**	**31,10**	**88,46**
+ Rau các loại	"	5.311	1.758,9	1.994,3	33,12	88,20
+ Đậu các loại	"	1.270	287,8	319,5	22,66	90,08
- Cây công nghiệp hàng năm	*ha*	**14.549**	**6.464,6**	**8.496,9**	**44,43**	**76,08**
Trong đó: + Mía	"	13.733	6.077,0	8.077,0	44,25	75,24
+ Thuốc lá	"	-	146,0	170,0	-	85,88
+ Lạc	"	499	220,4	224,3	44,17	98,26
2. Lâm nghiệp						
*** Sản phẩm chủ yếu**						
+ Gỗ khai thác từ rừng trồng	m^3	-	16.159	18.370	-	87,97
+ DT rừng trồng mới tập trung	*ha*	1.440	-	-	-	-
3. Thủy sản						
*** Tổng sản lượng thủy sản**	*tấn*	**111.220**	**23.809,6**	**23.236,1**	**21,41**	**102,47**
- Sản lượng thủy sản khai thác	"	99.680	22.721,5	22.333,8	22,79	101,74
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	"	11.540	1.088,1	902,3	9,43	120,59
Trong đó: + Sản lượng tôm thịt thu hoạch	"	-	*85,0*	*75,3*	-	*112,82*
+ Sản lượng tôm hùm thu hoạch	"	-	*251,2*	*150,0*	-	*167,47*
*** Diện tích nuôi trồng thủy sản**	*ha*	**4.170**	**1.249,6**	**1.228,8**	**29,97**	**101,69**

A	B	1	2	3	4	5
II. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP						
1. Chỉ số sản xuất công nghiệp	*%*	**107,0**	**105,08**	**107,22**		
2. Sản phẩm chủ yếu						
- Đá xây dựng khác	*m^3*	-	199.878	165.109	-	121,06
- Cá ngừ đông lạnh	*tấn*	-	6.834	8.427	-	81,10
- Cá khác đông lạnh	*tấn*	-	3.642	3.409	-	106,80
- Tôm đông lạnh	*tấn*	-	3.998	3.843	-	104,02
- Đường RE	*tấn*	-	28.830	17.625	-	163,57
- Đường RS	*tấn*	-	27.952	26.282	-	106,35
- Bia đóng chai	*nghìn lít*	-	390	681	-	57,34
- Bia đóng lon	*nghìn lít*	-	7.469	15.137	-	49,34
- Nước yến và nước bổ dưỡng khác	*nghìn lít*	-	19.064	16.845	-	113,17
- Thuốc lá có đầu lọc	*nghìn bao*	-	206.136	122.453	-	168,34
- Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bông, đay, lanh, xơ dừa	*tấn*	-	388	716	-	54,19
- Bộ quần áo thể thao khác	*nghìn cái*	-	1.521	1.660	-	91,61
- Cửa ra vào, cửa sổ bằng sắt, thép	*m^2*	-	17.673	19.958	-	88,55
- Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	*chiếc*	-	3.919	4.011	-	97,71
- Bàn bằng gỗ các loại	*chiếc*	-	22.836	23.400	-	97,59
- Điện sản xuất	*triệu Kwh*	-	104	91	-	115,00
- Điện thương phẩm	*triệu Kwh*	-	694	680	-	102,02
III. ĐẦU TƯ - XÂY DỰNG						
1. Đầu tư						
*** Đầu tư nước ngoài**						
- Số dự án được cấp phép đến 31/3	*dự án*	-	99	95	-	104,21
Trong đó: Số dự án được cấp mới	*"*	-	-	-	-	-
- Tổng vốn đầu tư đăng ký đến 31/3	*triệu USD*	-	3.823,46	3.820,8	-	100,07
Trong đó: Vốn đăng ký tăng thêm	*"*	-	-	-	-	-
2. Xây dựng						
*** Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội**	*triệu đồng*	**41.211.000**	**9.670.258**	**8.747.134**	**23,47**	**110,55**
- Vốn đầu tư thuộc nguồn vốn nhà nước	*"*	-	2.479.982	2.249.674	-	110,24
- Vốn đầu tư ngoài nhà nước	*"*	-	6.979.276	6.306.674	-	110,66
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	*"*	-	211.000	190.786	-	110,60
*** Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn vốn nhà nước do địa phương quản lý**	*"*	**3.458.032**	**401.982**	**387.134**	**11,62**	**103,84**

A	B	1	2	3	4	5
IV. THƯƠNG MẠI - DU LỊCH		-				
1. Tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng	triệu đồng	-	**33.256.890**	**37.876.665**	-	**87,80**
*** Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng**	triệu đồng	**119.168.000**	**17.843.136**	**21.951.132**	-	**81,29**
Chia theo ngành kinh tế:						
- Ngành Thương mại		-	12.456.247	12.323.904	-	101,07
- Ngành Dịch vụ lưu trú, ăn uống	*triệu đồng*	-	3.053.428	4.937.650	-	61,84
- Ngành Dịch vụ lữ hành	"	-	572.572	1.020.105	-	56,13
- Ngành Dịch vụ khác	"	-	1.760.889	3.669.473	-	47,99
*** Mặt hàng bán ra chủ yếu của các DNNN**						
- Xăng, dầu các loại	m^3	-	86.274	97.238	-	88,73
- Thuốc lá điếu	*nghìn bao*	-	136.108	132.355	-	102,83
2. Xuất, nhập khẩu						
*** Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa**	*nghìn USD*	**1.530.000**	**389.487**	**421.665**	**25,46**	**92,37**
*** Mặt hàng xuất chủ yếu**						
- Thủy sản các loại	*tấn*	-	16.003	21.062	-	75,98
- Hạt điều	"	-	-	-	-	-
- Cà phê	"	-	17.764,6	22.853,5	-	77,73
- Tàu biển (trọng tải 75.000 tấn)	*chiếc*	-	-	1	-	-
- Tàu biển (trọng tải 50.000 tấn)	"	-	6	5	-	120,00
*** Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa**	*nghìn USD*	**900.000**	**156.057**	**180.571**	**17,34**	**86,42**
*** Mặt hàng nhập chủ yếu**						
- Giấy các loại	*tấn*	-	-	108,2	-	-
- Xơ, sợi dệt các loại	"	-	3,5	14,5	-	24,14
- Sắt, thép các loại	"	-	31.118,7	33.128,6	-	93,93
3. Du lịch						
- Tổng doanh thu du lịch	*triệu đồng*	29.160.000	3.242.523	5.570.817	11,12	58,21
- Khách lưu trú	*lượt người*	7.360.000	644.808	1.557.484	8,76	41,40
Trong đó: Khách quốc tế	"	*3.900.000*	*415.361*	*876.095*	*10,65*	*47,41*
- Ngày khách lưu trú	*ngày khách*	22.540.000	2.286.910	4.784.514	10,15	47,80
Trong đó: Ngày khách quốc tế	"	*15.600.000*	*1.860.220*	*3.408.667*	*11,92*	*54,57*

A	B	1	2	3	4	5
V. VẬN TẢI - BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG						
1. Vận tải đường bộ, đường thủy						
- Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ	*triệu đồng*	-	1.241.287	1.418.527	-	87,51
Trong đó: + Vận tải hành khách	*"*	-	*295.495*	*412.846*	-	*71,58*
+ Vận tải hàng hoá	*"*	-	*643.903*	*700.838*	-	*91,88*
- Hành khách vận chuyển	*nghìn l.ng*	-	9.114	12.910	-	70,60
- Hành khách luân chuyển	*nghìnlng.km*	-	429.577	604.247	-	71,09
- Hàng hoá vận chuyển	*nghìn tấn*	-	7.890	8.599	-	91,76
- Hàng hoá luân chuyển	*nghìn t.km*	-	773.335	828.510	-	93,34
- Khối lượng bốc xếp qua cảng biển	*nghìn tấn*	-	690,6	699,5	-	98,73
2. Vận tải đường sắt						
- Doanh thu	*triệu đồng*	-	35.684	59.688	-	59,78
- Hành khách vận chuyển	*lượt người*	-	76.352	136.943	-	55,75
- Hàng hoá vận chuyển	*tấn*	-	2.861	2.794	-	102,40
- Hành khách luân chuyển	*nghìnlng.km*	-	46.341,0	76.042,5	-	60,94
- Hàng hoá luân chuyển	*nghìn t.km*	-	3.569,5	3.516,1	-	101,52
3. Bưu chính, viễn thông						
- Tổng doanh thu	*triệu đồng*	-	463.249	452.883	-	102,29
Trong đó: Doanh thu viễn thông	*"*	-	*424.830*	*415.205*	-	*102,32*
- Số máy điện thoại cố định được lắp đặt có đến 31/3	*máy*	-	126.683	142.688	-	88,78
Trong đó: Lắp đặt mới	*"*	-	*160*	*391*	-	*40,92*
- Số bưu phẩm chuyển phát	*kg*	-	112.761	116.627	-	96,69
- Số bưu kiện đi có cước	*nghìn b.kiện*	-	14,0	14,2	-	98,59
- Số bức thư và điện chuyển tiền	*bức*	-	26.903	27.548	-	97,66
- Số báo chí phát hành	*nghìn tờ,cuốn*	-	4.827	5.179	-	93,20
VI. TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG						
1. Tổng thu ngân sách nhà nước	*triệu đồng*	**17.273.000**	**4.581.800**	**4.922.705**	**26,53**	**93,07**
*** Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước**	*"*	**15.973.000**	**3.238.800**	**4.137.611**	**20,28**	**78,28**
- Doanh nghiệp nhà nước trung ương	*"*	670.000	141.000	161.047	21,04	87,55
- Doanh nghiệp nhà nước địa phương	*"*	3.300.000	683.800	998.980	20,72	68,45
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	*"*	650.000	283.600	176.790	43,63	160,42
- Thu ngoài quốc doanh	*"*	4.730.000	862.800	1.107.646	18,24	77,89
- Lệ phí trước bạ	*"*	700.000	92.000	140.310	13,14	65,57
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	*"*	-	1	1	-	100,00

A	B	1	2	3	4	5
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	*triệu đồng*	15.000	700	1.468	4,67	47,68
- Thuế thu nhập cá nhân	"	1.380.000	386.700	355.913	28,02	108,65
- Thu thuế bảo vệ môi trường	"	1.150.000	243.000	244.162	21,13	99,52
- Thu xổ số kiến thiết	"	220.000	90.000	88.410	40,91	101,80
- Thu phí và lệ phí	"	1.150.000	140.000	224.136	12,17	62,46
- Thu tiền sử dụng đất	"	1.000.000	112.094	230.186	11,21	48,70
- Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	"	310.000	2.500	20.156	0,81	12,40
- Thu tiền bán nhà và thuê nhà thuộc SHNN	"	2.000	5	152	0,25	3,29
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản	"	16.000	2.500	3.088	15,63	80,96
- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	"	50.000	3.100	12.648	6,20	24,51
- Thu hồi vốn, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của NHNN	"	280.000	99.000	297.326	35,36	33,30
- Thu khác ngân sách	"	350.000	96.000	75.192	27,43	127,67
*** Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**	"	**1.300.000**	**1.343.000**	**785.094**	**103,31**	**171,06**
2. Chi cân đối ngân sách địa phương	*triệu đồng*	**12.797.310**	**2.501.607**	**2.205.193**	**19,55**	**113,44**
*** Chi đầu tư phát triển**	"	**4.511.507**	**978.837**	**877.406**	**21,70**	**111,56**
Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản	"	*2.235.169*	*230.000*	*254.768*	*10,29*	*90,28*
*** Chi tạo nguồn cải cách tiền lương**	"	**779.117**	-	-	-	-
*** Chi trả nợ vốn vay đầu tư**	"	**9.150**	-	-	-	-
*** Chi lập hoặc bổ sung quỹ dự trữ tài chính**	"	**1.170**	**1.170**	**1.170**	**100,00**	**100,00**
*** Dự phòng ngân sách**	"	**275.250**	-	-	-	-
*** Chi thường xuyên**	"	**7.221.116**	**1.521.600**	**1.326.617**	**21,07**	**114,70**
- Chi sự nghiệp kinh tế	"	975.894	155.200	105.387	15,90	147,27
- Chi sự nghiệp văn xã	"	4.286.134	945.300	845.234	22,05	111,84
- Chi quản lý hành chính	"	1.412.792	335.300	300.736	23,73	111,49
- Chi quốc phòng an ninh	"	241.143	41.800	38.064	17,33	109,82
- Chi khác ngân sách	"	305.153	44.000	37.196	14,42	118,29
*** Chi khác**	"	-	-	-	-	-
3. Huy động vốn bằng đồng VN	*tỷ đồng*	-	**83.720**	**78.529**	-	**106,61**
4. Huy động vốn bằng ngoại tệ	"	-	**1.635**	**1.979**	-	**82,62**
5. Dư nợ cho vay bằng đồng VN	"	-	**85.070**	**75.971**	-	**111,98**
6. Dư nợ cho vay bằng ngoại tệ	"	-	**3.610**	**5.157**	-	**70,00**

A	B	1	2	3	4	5
VII. VĂN HÓA - XÃ HỘI						
1. Giáo dục *(Đầu năm học)*						
*** Mầm non**						
- Số lớp	*lớp*	-	1.827	1.779	-	102,70
- Số học sinh	*người*	-	52.095	50.407	-	103,35
- Giáo viên	"	-	3.158	3.193	-	98,90
*** Phổ thông**						
- Số trường	*trường*	-	333	336	-	99,11
- Số lớp	*lớp*	-	6.350	6.538	-	97,12
- Số học sinh	*người*	-	217.757	215.281	-	101,15
- Giáo viên	"	-	10.627	11.052	-	96,15
2. Y tế						
- Số lần khám bệnh	*nghìn lần*	-	777	837	-	92,83
- Số bệnh nhân nội trú	*nghìn người*	-	51	66	-	77,27
- Số người phẫu thuật	*lượt người*	-	6.125	5.982	-	102,39
- Bệnh Tay - Chân - Miệng	*ca mắc*	-	79	352	-	22,44
- Bệnh sốt xuất huyết	"	-	1.493	4.852	-	30,77
3. Văn hóa nghệ thuật						
*** Chiếu bóng**						
- Số buổi chiếu	*buổi*	-	108	319	-	33,86
- Số lượt người xem	*nghìn.l.ng*	-	16	51	-	31,37
*** Thư viện**						
- Phục vụ bạn đọc	*lượt*	-	29.352	26.933	-	108,98
- Luân chuyển sách báo	"	-	66.538	76.180	-	87,34
4. Thể dục thể thao thành tích cao						
- Tổng số huy chương các loại	*bộ HC*	-	2	21	-	9,52
- Kiện tướng	*VĐV*	-	1	1	-	100,00
- VĐV cấp 1	"	-	2	4	-	50,00
5. Tai nạn giao thông đường bộ *(Tính đến ngày 14/3/2020)*						
- Tổng số vụ tai nạn và va chạm giao thông	*Vụ*	-	25	45	-	55,56
- Số người chết	*Người*	-	26	48	-	54,17
- Số người bị thương	*Người*	-	3	17	-	17,65
6. Cháy, nổ						
- Số vụ cháy, nổ	*Vụ*	-	22	20	-	110,00
- Số người chết	*Người*	-	-	-	-	-
- Số người bị thương	*Người*	-	-	2	-	-

2. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, CHỈ SỐ GIÁ VÀNG, CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ THÁNG 3 NĂM 2020

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 3/2020 SO VỚI (%)			Bình quân quý I năm 2020 so cùng kỳ năm 2019
	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	
A	1	2	3	4
Chỉ số giá tiêu dùng	**104,94**	**100,30**	**99,19**	**105,59**
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	109,27	101,30	99,81	108,66
Trong đó: 1 - Lương thực	*101,61*	*102,65*	*100,57*	*100,96*
2 - Thực phẩm	*112,26*	*100,89*	*99,59*	*111,15*
3 - Ăn uống ngoài gia đình	*107,00*	*101,54*	*99,93*	*107,27*
II. Đồ uống và thuốc lá	100,69	100,01	99,99	100,74
III. May mặc, mũ nón, giầy dép	102,67	101,21	100,00	102,91
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	104,91	102,09	98,80	106,58
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	101,05	100,09	99,97	101,27
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	103,10	100,37	100,00	103,10
VII. Giao thông	97,87	93,12	94,57	104,31
VIII. Bưu chính, viễn thông	100,00	100,00	100,00	100,00
IX. Giáo dục	104,33	100,00	100,00	104,33
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	96,66	96,79	96,80	99,09
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	103,82	100,82	99,80	104,13
Chỉ số giá vàng	**125,62**	**111,60**	**104,49**	**121,04**
Chỉ số giá Đô la Mỹ	**100,38**	**100,29**	**100,27**	**100,14**

3. GIÁ BÁN LẺ HÀNG HOÁ THÁNG 3 NĂM 2020

STT	DANH MỤC HÀNG HOÁ	ĐVT	THÁNG 3/2020	THÁNG 3/2019	THÁNG 12/2019
1	Gạo tẻ thường (ML202)	*đồng/kg*	12.100	10.826	11.628
2	Gạo tẻ ngon (Gò Công)	*đồng/kg*	19.264	18.279	18.200
3	Gạo nếp thường	*đồng/kg*	15.708	14.721	14.950
4	Sắn tươi	*đồng/kg*	11.173	10.163	11.281
5	Thịt lợn mông sấn	*đồng/kg*	139.578	86.761	126.796
6	Thịt bò bắp	*đồng/kg*	229.854	215.165	222.458
7	Gà mái ta còn sống 1,5 kg/con	*đồng/kg*	106.926	99.515	111.537
8	Trứng vịt loại vừa	*đồng/10 quả*	27.036	26.963	28.223
9	Dầu ăn Tường An 1 lít	*đồng/lít*	42.726	41.912	42.124
10	Đậu xanh hạt loại 1	*đồng/kg*	34.653	33.166	34.098
11	Đậu nành	*đồng/kg*	17.027	17.015	16.914
12	Đậu phụng loại 1	*đồng/kg*	41.773	39.137	42.012
13	Cá thu khúc giữa	*đồng/kg*	274.684	267.853	275.487
14	Muối hạt	*đồng/kg*	3.000	3.000	3.000
15	Nước mắm cá cơm 15 độ đạm	*đồng/lít*	23.704	23.033	23.713
16	Bột ngọt Ajinomoto gói 454g	*đồng/kg*	65.623	65.241	65.241
17	Sữa đặc có đường hiệu Ông Thọ	*đồng/hộp*	22.000	21.000	22.000
18	Nước khoáng VIKODA 500ml	*đồng/lít*	8.825	8.825	8.825
19	Bia hơi Win - San Miguel	*đồng/lít*	7.704	7.704	7.704
20	Thuốc lá White Horse Khánh Hoà	*đồng/bao*	22.310	22.310	22.310
21	Đường trắng kết tinh Khánh Hòa	*đồng/kg*	17.660	17.410	17.660
22	Giấy kẻ ngang 20 tờ/tập	*đồng/tập*	5.394	5.394	5.394
23	Vitamin B1-100mg, lọ 100 viên	*đồng/100viên*	7.516	7.516	7.516
24	Xi măng đen PC40 Hoàng Thạch	*đồng/kg*	1.652	1.636	1.653
25	Gạch xây (gạch ống Tuynen)	*đồng/viên*	1.130	1.127	1.130
26	Dầu hỏa	*đồng/lít*	12.975	15.124	15.279
27	Xăng E5	*đồng/lít*	17.497	18.848	20.156
28	Điện sinh hoạt	*đồng/kwh*	2.209	2.024	2.249
29	Gas đun (bình 12 kg-Shellgas)	*đồng/kg*	28.834	29.334	28.084
30	Nước máy	*đồng/m^3*	5.962	6.305	5.970
31	Vàng 99,99%	*nghìn đồng/chỉ*	4.629	3.685	4.148
32	Đô la Mỹ	*đồng/USD*	23.302	23.213	23.235